CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD
AUD VIETNAM AUDITING AND CONSULTING CO., LTD

AUD

Đồng hành – Chất lượng – Phát triển

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN IN TỔNG HỢP ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

www.aud.vn

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN IN TỔNG HỢP ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng Công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Công ty,

M.S.D.N: 0402079874 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN IN TỔNG HỢP ĐÀ NẴNG Q. HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

Vương Mạnh Hà
Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Số: 06023– TC26/BC-AUD

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu, Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên In Tổng hợp Đà Nẵng, chủ tịch và Ban Giám đốc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty TNHH Một thành viên In Tổng hợp Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06/02/2026, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên In Tổng hợp Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.7 - Thuyết minh báo cáo tài chính: Theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 về việc tách Xí nghiệp In tổng hợp thuộc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ in Đà Nẵng để thành lập Công ty TNHH Một thành viên In Tổng hợp Đà Nẵng, Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ in Đà Nẵng sẽ điều chuyển giá trị sử dụng đất của khu đất số 02 Lý Thường Kiệt cho Công ty quản lý, sử dụng và làm trụ sở chính, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định vô hình với giá trị 14.780.751.840 đồng. Tính đến thời điểm hiện tại, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ in Đà Nẵng.

Ngoài ra, tại quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 26/08/2025 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Đà Nẵng, UBND Thành phố Đà Nẵng đề nghị Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Đà Nẵng có đơn tự nguyện trả lại khu đất nêu trên để UBND xem xét, quyết định thu hồi đất.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo hướng dẫn tại Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ. Việc phân phối này chưa có văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM

M.S.D.N: 0401980437 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUD VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Trương Văn Minh	**Nguyễn Thế Phương**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán	*Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán*
Số 2952-2024-345-1	*Số 5013-2024-345-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU B01-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**20.754.026.527**	**20.015.030.443**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**10.699.550.650**	**8.362.796.910**
1. Tiền	111		3.699.550.650	8.362.796.910
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**5.174.311.319**	**4.646.595.499**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	3.422.506.043	3.561.059.018
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	82.552.560
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	1.719.948.951	1.287.959.376
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(284.975.455)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		31.856.325	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.4**	**4.660.384.551**	**5.928.600.505**
1. Hàng tồn kho	141		4.660.384.551	5.928.600.505
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**219.780.007**	**1.077.037.529**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	108.380.607	654.942.142
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8	111.399.400	422.095.387
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**27.377.873.437**	**28.555.115.962**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	**729.495.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	729.495.000
II. Tài sản cố định	**220**		**27.367.952.040**	**27.812.061.891**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	12.587.200.200	13.031.310.051
- Nguyên giá	222		66.936.514.081	66.379.919.282
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(54.349.313.881)	(53.348.609.231)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	14.780.751.840	14.780.751.840
- Nguyên giá	228		14.872.621.340	14.872.621.340
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(91.869.500)	(91.869.500)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**9.921.397**	**13.559.071**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	9.921.397	13.559.071
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**48.131.899.964**	**48.570.146.405**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU B01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**5.543.056.441**	**5.981.302.882**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**5.543.056.441**	**5.981.302.882**
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	54.494.960
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	254.062.340	286.246.212
3. Phải trả người lao động	314		3.976.168.062	4.643.731.652
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.9	26.924.867	110.070.354
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		13.326.000	58.096.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.10	1.272.575.172	828.663.704
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**42.588.843.523**	**42.588.843.523**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.11**	**42.588.843.523**	**42.588.843.523**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.588.843.523	42.588.843.523
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**48.131.899.964**	**48.570.146.405**

Nguyễn Thị Thanh Mai	**Trịnh Thị Thủy**	**Vương Mạnh Hà**
Người lập biểu	*Kế toán trưởng*	*Giám đốc*
		Đà Nẵng, ngày 06/02/2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

MẪU B02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**57.439.944.458**	**42.256.634.378**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**57.439.944.458**	**42.256.634.378**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	42.229.143.388	29.000.669.228
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**15.210.801.070**	**13.255.965.150**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	77.411.357	35.639.904
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	188.399.224	330.726.912
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	14.191.194.709	12.707.248.137
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (25+26)}	**30**		**908.618.494**	**253.630.005**
11. Thu nhập khác	31	VI.6	849.770.170	879.875.552
12. Chi phí khác	32	VI.7	263.413.209	104.264.436
13. Lợi nhuận/ (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	**40**		**586.356.961**	**775.611.116**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**1.494.975.455**	**1.029.241.121**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	310.695.987	224.701.111
16 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**1.184.279.468**	**804.540.010**

Nguyễn Thị Thanh Mai	**Trịnh Thị Thủy**	**Vương Mạnh Hà**
Người lập biểu	*Kế toán trưởng*	*Giám đốc*
		Đà Nẵng, ngày 06/02/2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

MẪU B03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***1.494.975.455***	***1.029.241.121***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.304.864.354	2.496.618.557
- Các khoản dự phòng	03		(284.975.455)	-
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(154.711.357)	(461.153.359)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***3.360.152.997***	***3.064.706.319***
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09		486.754.635	(219.969.493)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		1.268.215.954	(101.713.501)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(882.157.909)	828.576.081
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		550.199.209	(390.382.761)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(545.991.850)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	5.400.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(740.368.000)	(314.494.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***4.042.796.886***	***2.326.130.795***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.860.754.503)	(890.286.028)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		77.300.000	425.513.455
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		77.411.357	35.639.904
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(1.706.043.146)***	***(429.132.669)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**		**2.336.753.740**	**1.896.998.126**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**8.362.796.910**	**6.465.798.784**
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**		**10.699.550.650**	**8.362.796.910**

Nguyễn Thị Thanh Mai	**Trịnh Thị Thủy**	**Vương Mạnh Hà**
Người lập biểu	*Kế toán trưởng*	*Giám đốc*

Đà Nẵng, ngày 06/02/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09 – DN**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên In Tổng hợp Đà Nẵng trước đây là Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ in Đà Nẵng – Xí nghiệp in tổng hợp, được thành lập theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 về việc tách Xí nghiệp In tổng hợp thuộc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ in Đà Nẵng để thành lập Công ty TNHH Một thành viên In Tổng hợp Đà Nẵng, do UBND Thành phố Đà Nẵng làm cơ quan đại diện chủ sở hữu, nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức là Công ty TNHH Một thành viên từ ngày 20/01/2021 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0402079874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 20/01/2021, cấp sửa đổi lần thứ nhất ngày 02/01/2025.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 42.588.843.523 VND.

Địa chỉ trụ sở chính: 02 Lý Thường Kiệt, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Địa chỉ xưởng in: Đường số 2 - Khu công nghiệp Hòa Cầm, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực in ấn.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- In ấn. Chi tiết: In và gia công sau in tất cả các sản phẩm bao gồm sách, báo, tạp chí, văn hóa phẩm, tem, nhãn, ấn chỉ có giá trị như tiền, giấy tờ có giá, hóa đơn tài chính…;

- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Chế bản, thiết kế, tạo mẫu, tách màu, ghi ghim, ghi bản…;

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Nhập khẩu trực tiếp và kinh doanh vật tư ngành in.

4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 89 nhân viên.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm diễn ra bình thường, không có gì ảnh hưởng lớn đến Báo cáo tài chính.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán tại Công ty là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã thực hiện công việc kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và luồng tiền của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng nắm giữ các khoản đầu tư này đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phát sinh tại Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau: